

Số: 98/2024/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 11 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI BỐN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 65/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Xét Tờ trình số 2766/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 573/BC-BKTNS ngày 02 tháng 12 năm

2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nội dung, mức chi làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh tối đa không quá 32 triệu đồng/người/tháng; mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở tối đa không quá 24 triệu đồng/người/tháng;

b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu

a) Chi công tác phí, chế độ hội nghị: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi về công tác phí, hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Chi tiếp khách trong và ngoài nước: Thực hiện theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 105/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

c) Chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị tính: 1.000 đồng)	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Buổi	1.500	1.200
2	Thư ký	Buổi	400	300
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	1.200	800
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày	Báo cáo	800	600
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi	250	200

3. Chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi bằng 50% mức chi hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

4. Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 240 triệu đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, tối đa không quá 180 triệu đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

5. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung, mức chi cho các cuộc điều tra, thống kê trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Nội dung, mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao:

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị tính: 1.000 đồng)	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
-	Chủ tịch Hội đồng		1.200	900
-	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		800	600
-	Thư ký khoa học		250	200
-	Thư ký hành chính		250	200
-	Đại biểu được mời tham dự		150	100
B	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400	300
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		550	450
C	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		
-	Chủ tịch Hội đồng		550	450
-	Phó chủ tịch Hội đồng, thành viên Hội đồng		400	300
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ			

a	Chi hợp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
-	Chủ tịch Hội đồng		1.400	1.100
-	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.200	900
-	Thư ký khoa học		250	200
-	Thư ký hành chính		250	200
-	Đại biểu được mời tham dự		150	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		550	450
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		800	600
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi hợp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
-	Chủ tịch Hội đồng		1.400	1.100
-	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.200	900
-	Thư ký khoa học		250	200
-	Thư ký hành chính		250	200
-	Đại biểu được mời tham dự		150	100
B	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		550	450

-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		800	600
4	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ hoạt động của Hội đồng	Chuyên gia	1.200	900

b) Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có): Bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

c) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật (nếu có).

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao:

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị tính: 1.000 đồng)	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	800	600
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	550	450
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	250	200
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	150	100

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá quy định tại điểm a khoản 5 Điều 6 Thông tư số 03/2023/TT-BTC: Thực hiện theo quy định tại mục I Điều 1 Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

4. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư số 03/2023/TT-BTC: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Những nội dung, mức chi không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.
4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.
5. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Hai mươi bốn thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2024. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Khoa học và Công nghệ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT-VP.



Hồ Văn Niên